

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1079/2017/DS-PT
Ngày: 01/12/2017
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xuân.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Bà Châu Kim Anh.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thủy.

Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Ông Phan Văn Kiên là Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 24/11/2017 và ngày 01/12/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 393/DSPT, ngày 13 tháng 9 năm 2017 về: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 33/2017/DS-ST, ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Bá T. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2150/2017/QĐPT-DS ngày 02/10/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thúy M.** Sinh năm 1960.

Địa chỉ: 74/2, Đường C, tổ E, Khu phố G, phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Bá T.** Sinh năm 1960.

Địa chỉ: 015A3 Khu P, phường P, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

Thường trú: 35/5G đường T, phường G, quận V, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Phạm Ngọc H. Sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Vũ Hoài N. Sinh năm 1959.

Địa chỉ: 74/2, đường C, tổ E, Khu phố G, phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà **Đỗ Thúy M.** Sinh năm 1960.

Địa chỉ: 74/2, đường C, tổ E, Khu phố G, phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số 2434, quyền số: 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/6/2017 tại Văn phòng Công chứng V).

Tại phiên tòa các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 7 năm 2016, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Đỗ Thúy M trình bày:

Ngày 06/10/2012, ông Nguyễn Bá T vay của bà Đỗ Thúy M số tiền 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng), có viết giấy tay, thời hạn mượn trong 03 tháng từ ngày 06/10/2012 đến ngày 06/01/2013.

Sau đó, ngày 10/10/2012 ông Nguyễn Bá T tiếp tục vay của bà M số tiền 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng), có viết giấy tay, thời hạn mượn là 03 tháng.

Đến ngày 25/3/2014, ông Nguyễn Bá T trả cho bà số tiền 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng) qua tài khoản tại Ngân hàng C theo giấy biên nhận nợ ngày 10/10/2012. Khi trả xong tiền, ông T đã gạch chéo bỏ phần nội dung ghi trong giấy.

Ngoài ra, ông T có chuyển cho bà số tiền 12.000.000 đ (Mười hai triệu đồng), bà xác nhận đây là tiền lãi và bà không có yêu cầu về tiền lãi.

Nay tại Tòa, bà yêu cầu Tòa xử buộc ông T trả cho bà số tiền nợ gốc 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng) theo giấy mượn tiền ngày 06/10/2012, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà không yêu cầu ông T trả tiền lãi.

Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Bá T trình bày:

Ngày 06/10/2012, ông vay của bà Đỗ Thúy M số tiền 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng) trong thời gian 03 tháng, không tính lãi suất, ông có viết giấy mượn tiền.

Sau đó, vào ngày 10/10/2012 ông vay tiếp của bà Đỗ Thúy M 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng), thời hạn là 03 tháng, có viết giấy biên nhận nợ. Ông đã trả cho bà M số tiền nợ gốc 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng) theo giấy biên nhận ngày 10/10/2012, trả trực tiếp bằng tiền mặt và khi trả xong ông đã gạch bỏ, ông không viết giấy về việc trả tiền, ông cũng không nhớ đã trả vào thời gian nào, không có người làm chứng.

Ngày 25/3/2014, ông đã trả cho bà M số tiền nợ gốc 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng) theo giấy mượn tiền ngày 06/10/2012, ông trả tiền bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của bà M mở tại Ngân hàng C và không gạch giấy nợ. Ngoài ra, do ông không có điều kiện để trả tiền cho bà M đúng hạn nên ông đã trả tiền lãi cho bà M tổng cộng là 12.000.000 đ (Mười hai triệu đồng), cũng trả bằng hình thức chuyển khoản cho bà M. Ông chỉ còn giữ giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 17/02/2014 với số tiền là 4.000.000 đ (Bốn triệu đồng), các giấy khác về việc trả tiền lãi đã bị thất lạc.

Nay tại Tòa, ông không đồng ý yêu cầu của bà Đỗ Thúy M. Ông cũng không yêu cầu tính lại số tiền lãi 12.000.000 đ (Mười hai triệu đồng) vì đây là tiền lãi ông đã thanh toán xong cho bà M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Hoài N có người đại diện theo ủy quyền bà Đỗ Thúy M trình bày:

Ông Vũ Hoài N không biết và cũng không liên quan gì đến việc vay mượn tài sản giữa bà Đỗ Thúy M và ông Nguyễn Bá T. Tiền cho ông Nguyễn Bá T vay là tài sản riêng của bà Đỗ Thúy M. Ngoài ra, ông Vũ Hoài N không có yêu cầu gì khác.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Luật sư ông M Lâm P trình bày:

Đối với giấy biên nhận nợ ngày 10/10/2012, ông Nguyễn Bá T đã trả trực tiếp bằng tiền mặt cho bà Đỗ Thúy M. Đối với giấy mượn tiền ngày 06/10/2012, ông T xác định đã trả bằng hình thức chuyển khoản cho bà M vào ngày 25/3/2014 và ông T còn trả tiền lãi là 12.000.000 đ (Mười hai triệu đồng). Lời khai của ông T là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà M.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 33/2017/DS-ST ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 184; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực từ ngày 01/7/2009;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đỗ Thúy M.

Buộc ông Nguyễn Bá T có trách nhiệm trả cho bà Đỗ Thúy M số tiền 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng), ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đỗ Thúy M về việc không yêu cầu ông Nguyễn Bá T trả tiền lãi.

Kể từ ngày bà Đỗ Thúy M có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Bá T không chịu trả tiền theo quy định trên thì hàng tháng ông Nguyễn Bá T còn phải trả tiền lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án tại thời điểm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Bá T phải chịu án phí là 5.000.000 đ (Năm triệu đồng).

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho bà Đỗ Thúy M đã nộp là 6.475.000 đ (Sáu triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 4692 ngày 15/7/2016 do Chi cục Thi hành án Dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án, người được thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Trong thời hạn luật định ngày 11/8/2017 ông Nguyễn Bá T kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm 33/2017/DS-ST ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Việc Tòa án tuyên ông trả lại cho bà Đỗ Thúy M số tiền 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng) là không đúng, vì ông đã trả cho bà M (có chứng từ chuyển khoản) và băng ghi âm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Bá T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng: Bà M khởi kiện yêu cầu ông thanh toán số tiền còn nợ theo giấy biên nhận nợ ngày 06/10/2012, ông đã chuyển khoản thanh toán cho bà M ngày 25/3/2014, như vậy là ông đã trả xong, không còn nợ nần gì bà M. Còn giấy biên nhận nợ ngày 10/10/2017 ông T đã gặp trực tiếp bà M trước đó và đã trả xong ông đã trực tiếp gặp bà M và gạch chéo trên giấy nợ. Nay ông không còn nợ nần gì bà M. Đề nghị Tòa án xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

Bà M đề nghị xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức: Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Bá T nằm trong thời hạn luật định, ông T đã nộp đủ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên chấp nhận kháng cáo hợp lệ và được đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nguyên đơn bà Đỗ Thúy M khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, căn cứ Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về nội dung: Nguyên đơn bà Đỗ Thúy M yêu cầu ông Nguyễn Bá T có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà M không yêu cầu trả tiền lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Bá T không đồng ý trả số tiền trên.

Xét thấy giữa bà Đỗ Thúy M và ông Nguyễn Bá T thực hiện hai hợp đồng vay tiền, cụ thể:

Ngày 06/10/2012, ông Nguyễn Bá T vay của bà Đỗ Thúy M số tiền 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng), không lãi suất, thời hạn vay là đến ngày 06/01/2013.

Ngày 10/10/2012, ông Nguyễn Bá T vay của bà Đỗ Thúy M số tiền 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng), thời hạn là 03 (ba) tháng.

Ông Nguyễn Bá T xác định đối với giấy biên nhận nợ ngày 10/10/2012, ông T đã trả cho bà M 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng), trả trực tiếp bằng tiền mặt, khi trả xong ông đã gạch chéo trên tờ giấy.

Đối với giấy biên nhận nợ ngày 06/10/2012, ông T cũng xác định đã trả cho bà M 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng) qua tài khoản của bà M mở tại Ngân hàng C vào ngày 25/3/2014 và không gạch bỏ giấy nợ.

Tuy nhiên, bà Đỗ Thúy M chỉ xác nhận việc ông T đã trả cho bà 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng) theo giấy biên nhận nợ ngày 10/10/2012 qua tài khoản của bà M mở tại Ngân hàng C vào ngày 25/3/2014, khi trả xong ông T gạch bỏ nội dung tờ giấy, còn giấy nợ ngày 06/10/2012, ông T hoàn toàn chưa trả tiền cho bà, do đó không gạch bỏ giấy nợ.

Bà Đỗ Thúy M và ông Nguyễn Bá T đều xác nhận ông T có chuyển trả cho bà M số tiền 12.000.000 đ (Mười hai triệu đồng). Ông T và bà M xác định đây là số tiền lãi ông trả cho bà M. Tại Tòa, ông T và bà M không yêu cầu tính lại lãi do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Như vậy, hiện nay bà M là người khởi kiện và đều giữ hai giấy biên nhận vay tiền, một giấy biên nhận ghi nợ ngày 10/10/2012 bị gạch bỏ. Do đó, có thể khẳng định giấy biên nhận ghi nợ ngày 10/10/2012 không có giá trị pháp lý vì nó đã bị gạch bỏ.

Bà M khai rằng: “Khi ông T chuyển trả tiền cho bà qua Ngân hàng, ông T đã tự gạch bỏ”. Lời khai này không có cơ sở vì ông T không đến trả trực tiếp được cho bà mà phải trả qua Ngân hàng thì không thể đến gặp bà M để gạch bỏ nội dung trên giấy vay nợ mà bà M đang giữ được. Hơn nữa, khi ông T trả tiền thì có thể bà M gạch, có thể bà M không gạch đều được. Vì chứng cứ ông T trả cho bà M qua Ngân hàng đã là một căn cứ để chứng minh ông T đã trả nợ cho bà M, nên bà M không cần phải gạch bỏ. Như vậy, về mặt pháp lý giấy biên nhận đã bị gạch bỏ không còn cơ sở pháp lý để khởi kiện, vì nó đã bị gạch bỏ nội dung nên không còn giá trị.

Chỉ còn giấy biên nhận ghi ngày 06/10/2012 là còn giá trị pháp lý để bà M khởi kiện và ông T chứng minh đã chuyển trả bà M qua Ngân hàng C vào ngày 25/3/2014. Đây là chứng cứ không cần phải chứng minh.

Mặt khác, lãi suất bà M thừa nhận là đã trả. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà M là không có cơ sở và không được công nhận. Tòa án sơ thẩm đánh giá chứng cứ chưa khách quan. Xét thấy cần phải sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 184; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực từ ngày 01/7/2009;

Xử:

Sửa án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Bá T.

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đỗ Thúy M về việc: “Buộc ông Nguyễn Bá T có trách nhiệm trả cho bà Đỗ Thúy M số tiền 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng)”.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Bá T không phải chịu án phí là 5.000.000 đ (Năm triệu đồng).

Án phí sơ thẩm bà Đỗ Thúy M phải nộp là 5.000.000 đ (Năm triệu đồng). Đối trừ số tiền tạm ứng án phí bà Đỗ Thúy M đã nộp là 6.475.000 đ (Sáu triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 4692 do Chi cục Thi hành án Dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 15/7/2016. Bà M được nhận lại 1.475.000 đ (Một triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Án phí phúc thẩm các bên không phải nộp.

Hoàn lại ông Nguyễn Bá T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông T đã nộp là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008303 ngày 11/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án, người được thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao (1);
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM (1);
- Viện kiểm sát NDTPHCM (2);
- Cục THA Dân sự TP.HCM (1);
- Tòa án nhân dân Quận B (2);
- Chi cục THA Dân sự Quận B (1);
- Các đương sự (7);
- Lưu (10). (25b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Xuân